

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng;

Bà Châu Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Ông Châu Pho Ly – Kiểm sát viên.

- Người phiên dịch tiếng khmer: Ông Châu Sóc Siên – Cán bộ Văn phòng trợ giúp pháp lý chi nhánh huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2018/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Néang N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 03, ấp N, xã A, huyện TT, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Châu Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 10, ấp N, xã A, huyện TT, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn bà Néang N trình bày: Bà và ông Đ cùng nhau xây dựng gia đình vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện TT, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 04/2011; quyển số 0I, ngày 16 tháng 02 năm 2011. Quá trình chung sống từ khi

bắt đầu đã phát sinh mâu thuẫn nên bà và ông Đ chỉ sống với nhau được 03 tháng thì ly thân cho đến nay. Mặc dù, hai bên gia đình đã cố gắng dàn xếp và mong muốn vợ chồng tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân nhưng không thành. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông Đ không chịu cố gắng làm việc và chăm sóc gia đình, nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà và ông Đ không đạt được nên xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Chau Đ: Đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà Néang N vẫn giữ nguyên yêu cầu, ông Chau Đ vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử công bố lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh tại Văn phòng ấp N, xã A, huyện TT.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn và bị đơn trễ 07 ngày theo quy định tại khoản 11 Điều 196 BLTTDS, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 70 và 72 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N; về con chung, không có; về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu; về án phí: Bà N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Néang N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 03, ấp N, xã A, huyện TT, tỉnh An Giang

và bị đơn ông Chau Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 10, ấp N, xã A, huyện TT, tỉnh An Giang. Bà N khởi kiện xin ly hôn ông Đ Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn ông Chau Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang N và ông Chau Đ chung sống với nhau vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Bà N xin ly hôn ông Đ với lý do bất đồng trong quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được, Qua lời khai của bà Néang S (mẹ ruột của Chau Đ) và biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25 tháng 5 năm 2018 tại Văn phòng ấp N, xã A, huyện TT đã thể hiện giữa bà N và Đ sống với nhau được vài tháng sau khi cưới thì ly thân, đến nay ông bà đều đã lập gia đình riêng và có con riêng. Do đó, việc bà Néang N xin ly hôn với ông Chau Đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

- Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà N khai không có nhưng do chưa có ý kiến của ông Đ về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56 và 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Néang Nuône.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang N được ly hôn với ông Chau Đ.

- Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Néang N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0018466 ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đuone là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- UBND xã An Tức;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký tên và đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu

